

— Bộ (hay cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ) lập quyết toán của mình gửi Hội đồng Chính phủ xét duyệt, đồng gửi cho Bộ Tài chính.

Điều 41. — Ủy ban hành chính địa phương có nhiệm vụ lập và trình tổng quyết toán cả năm của ngân sách địa phương cho Hội đồng nhân dân phê chuẩn, và sau đó gửi lên Hội đồng Chính phủ xét duyệt, đồng gửi một bản cho Bộ Tài chính.

Các cơ quan Tài chính địa phương có nhiệm vụ lập và trình báo cáo tình hình chấp hành ngân sách hàng tháng, hàng quý, hàng năm, và bản phân tích tình hình chấp hành ngân sách địa phương lên Ủy ban hành chính địa phương xét duyệt.

Điều 42. — Bộ Tài chính có nhiệm vụ xét các báo cáo hàng tháng, hàng quý của các Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và của các địa phương, tổng hợp làm báo cáo tình hình chấp hành ngân sách Nhà nước hàng tháng, hàng quý cho Hội đồng Chính phủ; hàng năm Bộ Tài chính có nhiệm vụ xét quyết toán của các Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và tổng quyết toán ngân sách địa phương, tổng hợp lập tổng quyết toán ngân sách Nhà nước, trình Hội đồng Chính phủ chậm nhất trong tháng 6 năm sau.

Điều 43. — Hội đồng Chính phủ xét, thông qua tổng quyết toán ngân sách Nhà nước và trình Quốc hội phê chuẩn.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 44. — Để việc lập và chấp hành ngân sách Nhà nước được tốt, Bộ trưởng Bộ Tài chính có nhiệm vụ thường xuyên giám đốc và kiểm tra việc tôn trọng kỷ luật thu chi tài chính, kiểm tra việc sử dụng vốn của Nhà nước trong các xí nghiệp, các tổ chức, các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thủ trưởng các Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Ủy ban hành chính địa phương có nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám đốc tài chính đối với các xí nghiệp, tổ chức và cơ quan trực thuộc; thủ trưởng các ngành, các cấp, các xí nghiệp có nhiệm vụ giúp đỡ Bộ Tài chính làm công tác kiểm tra cho tốt.

Thủ trưởng các đơn vị xí nghiệp, sự nghiệp, cơ quan có nhiệm vụ chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các điều quý định trong điều lệ này, đảm bảo việc chấp hành kế hoạch thu chi tài vụ và dự toán kinh phí trong đơn vị được tốt. Mọi vi phạm kỷ luật tài chính, vi phạm các điều quy định trong bản điều lệ này, tùy theo lỗi nặng nhẹ, sẽ bị hi hành kỷ luật một cách thích đáng, và có thể bị truy tố trước pháp luật.

Ban hành kèm theo nghị định số 168-CP ngày 20 tháng 10 năm 1961.

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ trưởng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

QUYẾT ĐỊNH số 173-CP ngày 26-10-1961
thành lập thị xã Sơn la, thị trấn Thảo nguyên thuộc châu Mộc châu, Sơn la.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ điều 74 của Hiến pháp quy định quyền hạn của Hội đồng Chính phủ;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và của Ủy ban hành chính khu tự trị Thái Mèo;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 19 tháng 10 năm 1961;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay thành lập thị xã Sơn la và đặt trực thuộc khu tự trị Thái Mèo. Thị xã Sơn la gồm có thị trấn Chiềng lè, xã Chiềng coi, bản Hồ heo và bản Lầu của xã Chiềng an thuộc châu Mường la.

Điều 2. — Thành lập thị trấn Thảo nguyên ở khu vực cây số 64 trên đường quốc lộ số 6 và đặt trực thuộc châu Mộc châu. Thị trấn Thảo nguyên nằm trong địa phận xã Phiềng lương, về phía Đông giáp bản Muồng, phía Tây giáp bản Chiềng di, phía Nam giáp khu rừng bản Hang trung và phía Bắc giáp bản Xóm lôm của xã Phiềng lương.

Điều 3. — Giải thể xã Mường cai thuộc châu Sông mã và sát nhập các bản của xã Mường cai vào các xã lân cận cùng châu như sau:

- Bản Co phương sát nhập vào xã Mường và;
- Các bản Huối co, Na don, Hin khoáng và bản Hin sát nhập vào xã Chiềng không;
- Các bản Mường cai, Huối khe và Huối sum sát nhập vào xã Mường lan.

Điều 4. — Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Ủy ban Hành chính khu tự trị Thái—Mèo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội ngày 26 tháng 10 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ trưởng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

QUYẾT ĐỊNH số 174-CP ngày 27-10-1961
về việc điều chỉnh giá thu mua một số cây lương thực và một số nông sản vụ thu 1961.

Sau khi nghe Hội đồng Vật giá trình bày đề nghị điều chỉnh giá thu mua một số cây lương thực và một số nông sản vụ thu 1961, Hội đồng Chính phủ trong phiên họp của thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 1961 quyết định:

1. Về giá thu mua một số cây lương thực:

— Sản: trên tinh thần hết sức khuyến khích nông dân chế biến sẵn tươi ra sản lát khô và sản bột,

LawSoft * Tel: 84-8-3845 6684 * www.lawsoft.vn

điều chỉnh giá thu mua các loại sản để góp phần đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển sản xuất hơn nữa :

Sắn tươi từ 0đ045 đến 0đ06/kg bình quân

Sắn lát khô từ 0đ23 đến 0đ27/kg bình quân

Sắn bột vẫn giữ như cũ (từ 0đ50 đến 0đ55/kg bình quân).

— *Thóc mùa*: Đối với số thóc nông dân bán theo nghĩa vụ, vẫn giữ giá thu mua như cũ (bình quân 0đ225/kg).

Đối với số thóc nông dân bán ngoài nghĩa vụ, Nhà nước mua theo giá khuyến khích từ 10 đến 20%, nhưng vận dụng linh hoạt tùy từng thời kỳ, tùy từng địa phương nhằm khuyến khích sản xuất, tăng lực lượng cho Nhà nước và dần dần góp phần đưa giá cả thị trường vào thế ổn định.

— *Thóc tám, dự và nếp*: điều chỉnh giá thu mua để khuyến khích đẩy mạnh sản xuất các thứ đặc sản này hơn nữa :

Thóc tám thơm, dự hương: nâng thêm bình quân từ 0đ03 đến 0đ04/kg.

Thóc tám thường, dự thường: nâng thêm 0đ01/kg bình quân.

Thóc nếp cái nâng thêm 0đ01/kg bình quân.

2. Về giá thu mua một số nông sản vụ thu:

Vì là bước đầu, một số nông sản sản xuất trong vụ thu có khó khăn; giá cả thu mua cần được khuyến khích thêm để góp phần phát triển sản xuất:

— *Lạc vỏ*: nâng thêm 0đ10/kg bình quân.

— *Thuốc lá*: nâng thêm 0đ20/kg cho mỗi loại thuốc:

Lá giữa: loại 1 từ 4đ90 lên 5đ10/kg

loại 2 từ 4,30 lên 4,50/kg

Lá nách: loại 1 từ 3,60 lên 3,80/kg

loại 2 từ 3,00 lên 3,20/kg

Lá gốc và ngọn:

loại 1 từ 2,30 lên 2,50/kg

loại 2 từ 1,70 lên 1,90/kg

Các loại lá khác:

từ 0đ80 lên 1đ/kg.

— *Đậu xanh*: Khuyến khích thêm từ 10 đến 20% và có thể hơn một chút và giao Bộ Nội thương chỉ đạo từng vùng cho thích hợp.

— *Vừng*: giữ giá thu mua hiện nay (bình quân 0đ78/kg) vì sản xuất vụ thu có nhiều thuận lợi và giá thu mua đã có nhiều tác dụng khuyến khích sản xuất.

Hà nội, ngày 27 tháng 10 năm 1961

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

BHẠM HÙNG

LIÊN BỘ

NỘI VỤ — LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 18-TT/LB ngày 18-10-1961
hướng dẫn thi hành chỉ thị số 126/TTg ngày 1-4-1961 của Phủ Thủ tướng về việc cải tiến chế độ gửi trẻ của nữ công nhân, nữ viên chức.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan, đoàn thể trung ương
Các Ủy ban hành chính khu, thành tỉnh.

Phủ Thủ tướng đã ra chỉ thị số 126/TTg ngày 1-4-1961 cải tiến chế độ gửi trẻ. Nay Liên bộ quy định chi tiết, giải thích và hướng dẫn việc thi hành như sau:

I. CÁC HÌNH THỨC GỬI TRẺ VÀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬN TRẺ

Tổ chức nhà trẻ cần sát với hoàn cảnh công tác sản xuất của nữ công nhân, nữ viên chức và thích hợp với điều kiện sinh hoạt của trẻ.

Đó có hai hình thức gửi trẻ:

1. Gửi trẻ theo giờ làm việc:

Tổ chức nhà trẻ theo giờ làm việc nhằm đảm bảo cho các người mẹ yên tâm công tác, sản xuất trong giờ làm việc. Hết giờ làm việc người mẹ đón con về. Ở bệnh viện, nhà trẻ có trách nhiệm trông trẻ cho cả những nữ công nhân, nữ viên chức trực nhà ngoài giờ làm việc chung. Ở các xí nghiệp làm việc theo ca, kíp, thì nhà trẻ phải tổ chức việc gửi trẻ theo ca, kíp.

Những cơ quan, xí nghiệp sử dụng nhiều nữ công nhân, nữ viên chức, nếu nhà trẻ ở xa nơi làm việc mà có từ 6 trẻ con đang bú sữa mẹ trở lên, thì cần tổ chức riêng một nhà trẻ cho loại này ở gần hoặc ở trong cơ quan, xí nghiệp để thực hiện chế độ giờ nghỉ cho con bú đã được quy định, đảm bảo sức khỏe cho trẻ đồng thời đảm bảo thời gian sản xuất, công tác của người mẹ.

2. Gửi trẻ thường xuyên:

Tổ chức gửi trẻ thường xuyên là nhằm bảo đảm việc trông nom trẻ cho những nữ công nhân, nữ viên chức do yêu cầu công tác phải đi về các cơ sở, các địa phương một thời gian, mà hàng ngày gia đình không có điều kiện đưa con đến nhà gửi trẻ theo giờ làm việc để sau đó lại đón con về. Thời gian được gửi con thường xuyên là suốt thời gian người mẹ đi công tác xa, vắng nhà.